TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ
*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Thái Nguyên, ngày 01 tháng 10 năm 2021

DANH SÁCH ĐIỂM THI

PHẦN V.1: MỘT SỐ KỸ NĂNG CƠ BẢN TRONG LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ CỦA CÁN BỘ LÃNH ĐẠO QUẢN LÝ Ở CƠ SỞ

LỚP TCLLCT-HC HỆ KHÔNG TẬP TRUNG KHÓA 11, TẠI ĐẢNG BỘ HUYỆN PHÚ BÌNH

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
1	Phạm Tuấn Anh	01	01	7,5	*Bảy rưỡi*	
2	Lê Thị Ánh	02	02	7,0	*Bảy*	
3	Dương Thị Ảnh	03	03	8,0	*Tám*	
4	Dương Quang Ba	04	04	7,0	*Bảy*	
5	Phạm Văn Bằng	05	05	7,0	*Bảy*	
6	Lê Việt Cường	06	06	7,0	*Bảy*	
7	Dương Quang Dậu	07	07	7,0	*Bảy*	
8	Đặng Thị Giang	08	08	8,0	*Tám*	
9	Nguyễn Thu Giang	09	09	8,0	*Tám*	
10	Lý Thị Hương Giang	10	-	-	-	***Vắng thi***
11	Nguyễn Xuân Giang	11	10	6,5	*Sáu rưỡi*	
12	Trần Bá Hà	12	11	7,0	*Bảy*	
13	Nguyễn Thị Hà	13	12	7,0	*Bảy*	
14	Dương Thị Hải	14	18	7,5	*Bảy rưỡi*	
15	Ngô Thị Hải	15	17	7,5	*Bảy rưỡi*	
16	Lê Thị Hằng	16	16	7,0	*Bảy*	
17	Nguyễn Thị Hoa	17	15	7,5	*Bảy rưỡi*	
18	Liễu Thị Hoa	18	14	8,0	*Tám*	
19	Ngô Thị Thanh Hòa	19	13	7,5	*Bảy rưỡi*	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
20	Hà Thị Hương	20	24	7,0	*Bảy*	
21	Nguyễn Thị Hương	21	23	7,0	*Bảy*	
22	Trần Thị Hương	22	22	8,0	*Tám*	
23	Nguyễn Thị Thu Hường	23	21	8,0	*Tám*	
24	Dương Thị Huyền	24	20	7,0	*Bảy*	
25	Dương Thị Thu Huyền	25	19	7,0	*Bảy*	
26	Đào Duy Huỳnh	26	30	7,0	*Bảy*	
27	Dương Văn Khuê	27	29	7,0	*Bảy*	
28	Nguyễn Thị Hương Lan	28	28	8,0	*Tám*	
29	Nguyễn Thị Lệ	29	27	8,0	*Tám*	
30	Dương Thị Liên	30	26	7,0	*Bảy*	
31	Đồng Thị Lộc	31	25	7,5	*Bảy rưỡi*	
32	Nguyễn Văn Lợi	32	36	7,0	*Bảy*	
33	Đào Thị Ngọc Mai	33	35	7,0	*Bảy*	
34	Dương Thị Hồng Mến	34	34	7,0	*Bảy*	
35	Tạ Văn Minh	35	33	7,0	*Bảy*	
36	Tạ Văn Nam	36	32	7,0	*Bảy*	
37	Dương Văn Nam	37	31	7,0	*Bảy*	
38	Đào Thị Nga	38	-	-	-	***Vắng thi***
39	Nguyễn Thị Nga	39	42	7,5	*Bảy rưỡi*	
40	Nguyễn Văn Ngọ	40	41	7,0	*Bảy*	
41	Nguyễn Lan Ngọc	41	40	8,0	*Tám*	
42	Nguyễn Thị Ngọn	42	39	7,5	*Bảy rưỡi*	
43	Phạm Thị Ánh Nguyệt	43	38	8,0	*Tám*	
44	Nguyễn Văn Nhân	44	37	7,0	*Bảy*	
45	Nguyễn Thúy Nhạn	45	48	7,5	*Bảy rưỡi*	
46	Dương Thị Nhung-1985	46	47	7,0	*Bảy*	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
47	Dương Thị Nhung-1989	47	46	8,0	*Tám*	
48	Dương Thị Tuyết Nhung	48	45	8,0	*Tám*	
49	Nguyễn Thị Phương-1984	49	44	7,5	*Bảy rưỡi*	
50	Nguyễn Thị Phương-1988	50	43	7,0	*Bảy*	
51	Nguyễn Thị Phương-1981	51	54	7,0	*Bảy*	
52	Nguyễn Thùy Phương	52	53	7,0	*Bảy*	
53	Cao Thị Hà Phương	53	52	7,0	*Bảy*	
54	Dương Văn Quang	54	-	-	-	***Vắng thi***
55	Nguyễn Thị Quân	55	51	6,5	*Sáu rưỡi*	
56	Nguyễn Hữu Quốc	56	50	8,0	*Tám*	
57	Hoàng Thị Quyên	57	49	7,0	*Bảy*	
58	Dương Hương Quỳnh	58	60	7,0	*Bảy*	
59	Hoàng Thị Sen	59	59	7,5	*Bảy rưỡi*	
60	Phạm Thị Tân	60	58	7,0	*Bảy*	
61	Dương Thị Thắm	61	57	8,0	*Tám*	
62	Nguyễn Thị Thắm	62	56	8,0	*Tám*	
63	Đỗ Xuân Thành	63	55	7,5	*Bảy rưỡi*	
64	Nguyễn Đăng Thảo	64	66	6,5	*Sáu rưỡi*	
65	Ma Thị Thiêm	65	65	8,0	*Tám*	
66	Ngô Thị Thoa	66	64	7,5	*Bảy rưỡi*	
67	Dương Thị Thơm	67	63	7,5	*Bảy rưỡi*	
68	Dương Thị Thu	68	62	7,0	*Bảy*	
69	Hoàng Thị Diệu Thúy	69	61	8,0	*Tám*	
70	Dương Văn Toàn	70	72	7,0	*Bảy*	
71	Nguyễn Thành Trung	71	71	7,0	*Bảy*	
72	Nguyễn Anh Tuấn	72	70	7,5	*Bảy rưỡi*	
73	Bùi Thị Tuyết	73	69	8,0	*Tám*	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
74	Phan Thị Vân	74	68	8,0	*Tám*	
75	Nguyễn Thị Cẩm Vân	75	67	7,0	*Bảy*	
76	Vũ Thị Xâm	76	77	7,0	*Bảy*	
77	Nguyễn Thị Yến-1986	77	76	7,0	*Bảy*	
78	Nguyễn Thị Yến-1988	78	75	7,5	*Bảy rưỡi*	
79	Chu Hải Yến	79	74	7,5	*Bảy rưỡi*	
80	Nghiêm Thị Yến	80	73	7,5	*Bảy rưỡi*	

PHÒNG QLĐT&NCKH TRƯỞNG PHÒNG	KHOA NN&PL TRƯỞNG KHOA	K/T HIỆU TRƯỞNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thị Hồng Mây	Lê Minh Hường	Phạm Minh Chuyên